

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN  
XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

**MST: 0600265248**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**Quý 2 năm 2016**

***Các biểu gồm:***

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: Đồng VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>55.438.598.731</b>	<b>51.654.012.906</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VI.1</b>	<b>4.139.490.368</b>	<b>3.454.447.642</b>
1. Tiền	111		4.139.490.368	3.454.447.642
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>VI.4</b>	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá CK kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>45.801.119.117</b>	<b>43.727.964.399</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.2	25.579.524.489	17.660.811.802
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.3.1	762.334.028	759.419.997
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	VI.3.2	17.362.891.400	17.662.891.400
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.3.2	2.096.369.200	7.644.841.200
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>VI.5</b>	<b>5.436.540.533</b>	<b>4.365.947.459</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.436.540.533	4.365.947.459
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>VI.7</b>	<b>61.448.713</b>	<b>105.653.406</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	VI.7	58.448.713	101.295.452
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3.000.000	4.357.954
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>51.249.072.580</b>	<b>43.728.061.734</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>23.868.302.000</b>	<b>12.141.750.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VI.6.1		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		<b>8.000.000.000</b>	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		15.868.302.000	12.141.750.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		17.240.133.203	17.240.133.203
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(17.240.133.203)	(17.240.133.203)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.6.2	-	-
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.000.000.000	3.000.000.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>VI.2</b>	<b>24.206.288.383</b>	<b>28.281.690.907</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		15.569.000.000	15.569.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.508.000.000	14.400.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.870.711.617)	(1.687.309.093)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>174.482.197</b>	<b>304.620.827</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.7	174.482.197	304.620.827
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>106.687.671.311</b>	<b>95.382.074.640</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>29.659.352.121</b>	<b>19.943.875.381</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>29.190.602.121</b>	<b>19.287.625.381</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.9	12.465.332.705	2.639.818.156
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	125.235.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.10	316.721.903	-
4. Phải trả người lao động	314		7.042.760	63.473.692
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		20.000.000	80.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.11	145.083.468	181.977.248
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.8	15.997.000.000	15.955.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		239.421.285	242.121.285
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>468.750.000</b>	<b>656.250.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.8	468.750.000	656.250.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>77.028.319.190</b>	<b>75.438.199.259</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>VI.12</b>	<b>77.028.319.190</b>	<b>75.438.199.259</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		78.538.000.000	78.538.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		78.538.000.000	78.538.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		42.220.000	42.220.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		93.365.619	93.365.619
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.155.180.877	1.155.180.877
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.350.409.083	1.350.409.083
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.150.856.389)	(5.740.976.320)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(5.740.976.320)	1.620.278.424
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.590.119.931	(7.361.254.744)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>106.687.671.311</b>	<b>95.382.074.640</b>

Nam Định, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Người lập



Bùi Hai Võ

Kế toán trưởng



Bùi Hai Võ



Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Quang Thanh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này Năm nay	Kỳ này Năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VII.1	15.115.290.766	13.949.888.631	23.687.968.257	23.405.618.518
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		15.115.290.766	13.949.888.631	23.687.968.257	23.405.618.518
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	13.053.064.573	13.245.682.561	20.536.581.234	22.024.332.219
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		2.062.226.193	704.206.070	3.151.387.023	1.381.286.299
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	263.536.156	210.309.377	586.954.533	136.574.750
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	537.836.109	194.016.585	863.072.547	380.490.441
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		537.836.109	194.016.585	863.072.547	380.490.441
8. Chi phí bán hàng	25	VII.7	9.722.222	94.652.212	30.864.943	168.107.448
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.7	282.003.983	773.650.679	765.332.386	999.682.437
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}	30		1.496.200.035	(147.804.029)	2.079.071.680	(30.419.277)
11. Thu nhập khác	31		249.011	175.191.539	1.087.594	13
12. Chi phí khác	32	VII.6	11.424.991	300	84.407.991	5.924.172
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(11.175.980)	175.191.239	(83.320.397)	(5.924.159)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.485.024.055	27.387.210	1.995.751.283	(36.343.436)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.8	297.004.811	5.477.442	413.746.857	10.916.112
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		1.188.019.244	21.909.768	1.582.004.426	(47.259.548)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu



Bùi Hai Vỡ

Kế toán trưởng



Bùi Hai Vỡ

Nam Định, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Giám đốc

MSDN 0300265248



Nguyễn Quang Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

*Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017*

*Đơn vị tính: đồng VND*

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		15.759.904.850	17.221.678.519
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(19.996.038.118)	(10.809.071.893)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(459.662.025)	(701.580.447)
4. Tiền lãi vay đã trả	4		(739.670.023)	(380.490.441)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(92.667.000)	(28.042.915)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		136.071.981	2.160.228.670
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(384.857.796)	(2.704.404.754)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(5.776.918.131)</b>	<b>4.758.316.739</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.345.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(6.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.091.011.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(245.000.000)	(2.001.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.437.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		323.611.274	4.917.652
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>6.606.622.274</b>	<b>(8.497.427.348)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định

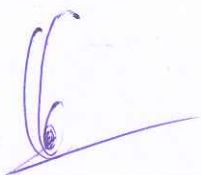
Chỉ tiêu	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33		17.642.000.000	16.591.421.600
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(17.786.661.417)	(16.609.004.283)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(144.661.417)</b>	<b>(17.582.683)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>685.042.726</b>	<b>(3.756.693.292)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>3.454.447.642</b>	<b>5.728.785.971</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>4.139.490.368</b>	<b>1.972.092.679</b>

Nam Định, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc




(Ký, họ tên, đóng dấu)




Nguyễn Quang Thanh

Bùi Hai Võ

Bùi Hai Võ



**Mẫu số 09-DN**

(Ban hành kèm TT số 200/2014-TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của BTC)

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Quý II năm 2017*

### **I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

1. Hình thức sở hữu vốn : Cty CP chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định là công ty cổ phần, Vốn điều lệ 78.538.000.000 đ.
2. Lĩnh vực kinh doanh : Công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến và kinh doanh thịt lợn
3. Ngành nghề kinh doanh ; Hoạt động của Công ty là :
  - Chế biến và kinh doanh thịt lợn, gia súc, gia cầm xuất khẩu;
  - Kinh doanh các loại thực phẩm nông sản xuất khẩu và tiêu dùng nội địa;
  - Mua bán máy móc thiết bị vật tư phục vụ sản xuất của công ty;
  - Chế biến kinh doanh thủy hải sản xuất khẩu và tiêu dùng nội địa;
  - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
  - Bán buôn thực phẩm;
  - (Chi tiết: Mua bán thịt và các sản phẩm từ thịt, các loại thực phẩm thủy hải sản)
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc khác.
4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường : Từ 1/1 đến 31/12
5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.
6. Cấu trúc doanh nghiệp

### **II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01/2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017).
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : vnd

### **III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

1. Chế độ kế toán áp dụng :

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**  
**Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định**

---

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 200/ 2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính bán niên.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Chế độ kế toán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chế độ, chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập Báo cáo tài chính bán niên.

**III. Các chính sách kế toán áp dụng (trong trường hợp doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)**

**1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam)**

**2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền;**

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.**

Tiền và các khoản tương đương tiền gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

- Chứng khoán kinh doanh;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay;
- Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;
- Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;
- Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

**5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

**6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**  
**Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định**

được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành việc bán hàng.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được xác định theo phương pháp chi phí trực tiếp.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo Pp bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Cty áp dụng Pp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:**

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí khác (vận chuyển, lắp đặt, chạy thử ...) có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)**

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao theo quy định hiện hành về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Cụ thể:

Tài sản	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc thiết bị	07 – 15
Phương tiện vận tải	5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

**8. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh.**

**9. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại.**

**10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.**

**11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

**12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẤU NAM ĐỊNH**  
**Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định**

---

giá trị tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan đến quá trình làm thủ tục vay.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí nghiên cứu triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình.

Chi phí sửa chữa văn phòng, thuê nhà.

Công cụ dụng cụ có giá trị lớn xuất dùng

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 02 đến 03 năm.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay, tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

Đối với khoản nợ phải trả người bán, Công ty vừa theo dõi công nợ theo đích danh người bán vừa theo dõi công nợ theo các Chủ nhiệm công trình và các công trình gắn liền với từng Chủ nhiệm. Cuối năm tài chính, Công ty chỉ thực hiện đối chiếu công nợ nội bộ với các Chủ công trình, việc thanh toán nợ với nhà cung cấp thuộc trách nhiệm của Chủ công trình theo quy chế khoán hợp đồng giữa Công ty với các Chủ nhiệm công trình.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

17. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn của chủ doanh nghiệp, các cổ đông được ghi nhận theo số vốn thực góp của các chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu phát hành với giá thực tế phát hành.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

**Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định**

---

ty sau khi trừ đi các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước và điều chỉnh theo các quy định khi lập BC tài chính hợp nhất.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:**

Doanh thu bán hàng;

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ;

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.

Doanh thu hoạt động tài chính;

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng.

Thu nhập khác.

**20. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**  
**Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định**

---

21. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

22. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay; chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

23. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

24. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: 20%

25. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

Thuế GTGT: Công ty thực hiện hạch toán và kê khai thuế GTGT theo PP khấu trừ.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng (trong trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)**

1. Có tái phân loại tài sản dài hạn và nợ phải trả dài hạn thành ngắn hạn không?
2. Nguyên tắc xác định giá trị từng loại tài sản và nợ phải trả (theo giá trị thuần có thể thực hiện được, giá trị có thể thu hồi, giá trị hợp lý, giá trị hiện tại, giá hiện hành...)
3. Nguyên tắc xử lý tài chính đối với:
  - Các khoản dự phòng;
  - Chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá (còn đang phản ánh trên Bảng cân đối kế toán – nếu có).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

*Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định*

<b>V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán(ĐVT:VNĐ)</b>		
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tiền mặt	4.072.021.024	1.765.907.954
- Tiền gửi ngân hàng	67.469.344	1.688.539.688
+ <i>Tiền gửi VNĐ</i>	61.676.754	1.682.747.098
+ <i>Tiền gửi ngoại tệ</i>	5.792.590	5.792.590
+ <i>Tiền đang chuyển</i>		
<b>Cộng</b>	<b>4.139.490.368</b>	<b>3.454.447.642</b>
<b>2. Phải thu khách hàng</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Phải thu khách hàng	25.579.524.489	17.660.811.802
- Trả trước cho người bán	762.334.028	759.419.997
<b>Cộng</b>	<b>26.341.858.517</b>	<b>18.420.231.799</b>
* Trong đó phải thu nội bộ có các khoản như sau:		
- Phải thu Công ty Nghĩa Thành	212.995.607	-
<b>3. Các khoản phải thu nội bộ khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Phải thu nội bộ vốn lưu động	8.000.000.000	-
+ <i>Chi nhánh Hồ Chí Minh</i>	4.000.000.000	
+ <i>Chi nhánh Hà Nội</i>	4.000.000.000	
- Phải thu nội bộ vốn cố định	-	-
+ <i>Chi nhánh Hồ Chí Minh</i>		
+ <i>Chi nhánh Hà Nội</i>		
<b>Cộng</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>-</b>
<b>4. Các khoản phải thu khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Các khoản phải thu ngắn hạn:</b>	<b>19.459.260.600</b>	<b>25.307.732.600</b>
- Tạm ứng	2.096.369.200	
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Cho vay	17.362.891.400	17.662.891.400

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

**Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định**

- Phải thu ngắn hạn khác		7.644.841.200
<b>b. Các khoản phải thu dài hạn khác:</b>	<b>15.868.302.000</b>	<b>12.141.750.000</b>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Phải thu dài hạn khác	15.868.302.000	12.141.750.000
<b>5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Thuế GTGT được khấu trừ	58.448.713	101.295.452
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước khác	3.000.000	4.357.954
<b>Cộng</b>	<b>61.448.713</b>	<b>105.653.406</b>
<b>6. Hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Hàng mua đang đi trên đường		
- Nguyên liệu vật liệu	839.846.486	1.061.340.402
- Công cụ, dụng cụ		
- Thành phẩm	610.372.478	2.131.441.112
- Hàng hóa	3.986.321.569	1.028.125.528
- Hàng gửi đi bán		
- Chi phí SXKD dở dang		145.040.417
<b>Cộng</b>	<b>5.436.540.533</b>	<b>4.365.947.459</b>
<b>7. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn</b>		
<b>b. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
- Mua sắm, phục hồi nâng cấp TSCĐ		
- Xây dựng cơ bản dở dang	3.000.000.000	3.000.000.000
- Sửa chữa lớn TSCĐ		
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>* 3.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẤU NAM ĐỊNH**

**Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định**

8. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>a. Nguyên giá tài sản cố định</b>					
- Số đầu năm	3.446.111.656	13.384.021.547	410.000.000	-	17.240.133.203
- Tăng trong năm	-	-	-	-	-
+ Mua trong năm	-	-	-	-	-
+ XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
+ Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-
+ Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
+ Điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-
+ Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.446.111.656</b>	<b>13.384.021.547</b>	<b>410.000.000</b>	<b>-</b>	<b>17.240.133.203</b>
<b>b. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
- Số đầu năm	(3.446.111.656)	(13.384.021.547)	(410.000.000)	-	(17.240.133.203)
- Tăng trong năm	-	-	-	-	-
+ Khấu hao TSCĐ	-	-	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-
+ Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
+ Điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-
+ Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(3.446.111.656)</b>	<b>(13.384.021.547)</b>	<b>(410.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>(17.240.133.203)</b>
<b>c. Giá trị còn lại của TSCĐ</b>					
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẤU NAM ĐỊNH**

**Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định**

9. Tài sản cố định vô hình	Quyền phát hành	Bản quyền	Quyền sử dụng đất	Phần mềm, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
a. Nguyên giá tài sản cố định						
- Số đầu năm	-	-	-	-	-	-
- Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
+ Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
+ Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
+ Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
+ Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-	-	-	-
b. Giá trị hao mòn lũy kế						
- Số đầu năm	-	-	-	-	-	-
- Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
+ Khấu hao TSCĐ	-	-	-	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
+ Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
+ Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-	-	-	-
c. Giá trị còn lại của TSCĐ						
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-	-
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẤU NAM ĐỊNH**

Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định

<b>10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Đầu tư vào Công ty con	15.569.000.000	15.569.000.000
+ Công ty TNHH MTV CBTCNS Nghĩa Thành	15.569.000.000	15.569.000.000
- Đầu tư vào cổ phiếu	10.508.000.000	10.900.000.000
+ Công ty CP TM&ĐT Biển Đông	9.900.000.000	9.900.000.000
+ Công ty CP CB TP&TS Nam Định	363.000.000	1.000.000.000
+ Công ty VBN	245.000.000	
- Đầu tư khác	-	3.500.000.000
+ Công ty CP thực phẩm Thảo Nguyên Xanh		2.000.000.000
+ Đinh Ngọc Dương		1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>26.077.000.000</b>	<b>29.969.000.000</b>
* Dự phòng các khoản đầu tư	(1.870.711.617)	(1.687.309.093)
- Công ty con	(967.996.259)	(784.593.735)
- Công ty CP TM&ĐT Biển Đông	(898.385.006)	(898.385.006)
- Công ty CP CB TP&TS Nam Định	(4.330.352)	(4.330.352)
- Công ty VBN		
<b>11. Chi phí trả trước</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Chi phí trả trước dài hạn	174.482.197	304.620.827
<b>Cộng</b>	<b>174.482.197</b>	<b>304.620.827</b>
<b>12. Phải trả người bán</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Phải trả cho người bán	12.465.332.705	2.639.818.156
- Người mua trả trước tiền		125.235.000
* Trong đó các nhà cung cấp lớn		
- Phải thu Công ty Nghĩa Thành	2.984.341.411	
<b>13. Vay, nợ thuê tài chính</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
a. Vay ngắn hạn	15.997.000.000	15.955.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

**Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định**

- Vay ngân hàng	15.997.000.000	15.955.000.000
- Vay khác		
<i>Vay, nợ đến hạn trả</i>		
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>468.750.000</b>	<b>656.250.000</b>
- Vay ngân hàng	468.750.000	656.250.000
+ Ngân hàng ACB	468.750.000	656.250.000
- Phát hành trái phiếu		
- Vay dài hạn khác		
<b>c. Vay, nợ tài chính quá hạn chưa thanh toán</b>		
- Thuê tài chính		
- Vay dài hạn khác		
<b>14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Thuế GTGT phải nộp		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất nhập khẩu		
- Thuế nhà thầu nước ngoài		
- Thuế TNDN	316.721.903	
- Thuế TNCN		
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất		
- Các loại thuế khác		
- Các khoản phí, lệ phí khác		
<b>Cộng</b>	<b>316.721.903</b>	<b>-</b>
<b>15. Các khoản chi phí phải trả</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Phải trả người lao động	7.042.760	63.473.692
- Chi phí phải trả khác	20.000.000	80.000.000
<b>16. Các khoản phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tài sản thừa chờ xử lý		
- Kinh phí công đoàn	130.359.574	130.359.574

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

**Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định**

- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp		36.883.310
- Phải trả về cổ phần hóa		
- Doanh thu chưa thực hiện		
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.723.894	14.734.364

**Cộng**

**145.083.468**

**181.977.248**

**17. Phải trả dài hạn nội bộ**

- |                                | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|-------------------|-------------------|
| - Vay dài hạn nội bộ           |                   |                   |
| - Phải trả dài hạn nội bộ khác |                   |                   |

**Cộng**

-

-

**18. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẤU NAM ĐỊNH**

Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định

Đội chiếu biến động vốn chủ sở hữu	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Chênh lệch từ giá	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ DP tài chính	Vốn khác	Quỹ khác	L/N sau thuế chưa phân	Vốn đầu tư XDCB	Tổng cộng
<b>a. Số dư đầu năm trước</b>	78.538.000.000	42.220.000			1.155.180.877		93.365.619	1.350.409.083	1.620.278.424		82.799.454.003
- Lợi nhuận thuần trong năm											
- Phân phối trích lập các quỹ									(7.361.254.744)		(7.361.254.744)
- Chia cổ tức											
- Các khoản khác											
<b>b. Số dư cuối năm trước</b>	78.538.000.000	42.220.000			1.155.180.877		93.365.619	1.350.409.083	(5.740.976.320)		75.438.199.259
<b>c. Số dư đầu năm nay</b>	78.538.000.000	42.220.000			1.155.180.877		93.365.619	1.350.409.083	(5.740.976.320)		75.438.199.259
- Lợi nhuận thuần trong năm											
- Phân phối trích lập các quỹ											
- Chia cổ tức									1.590.119.931		1.590.119.931
- Các khoản khác											
<b>d. Số dư cuối kỳ</b>	78.538.000.000	42.220.000			1.155.180.877		93.365.619	1.350.409.083	(4.150.856.389)		77.028.319.199

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định

<b>B</b>	<b>Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
-	Vốn góp của cổ đông	78.538.000.000	78.538.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>78.538.000.000</b>	<b>78.538.000.000</b>
*	Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu		
*	Số lượng cổ phiếu quỹ		
<b>C</b>	<b>Các giao dịch về vốn đối với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia</b>		
	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
-	Vốn góp đầu năm	78.538.000.000	78.538.000.000
-	Vốn góp tăng trong năm		
-	Vốn góp giảm trong năm		
-	Vốn góp cuối năm	78.538.000.000	78.538.000.000
-	Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
<b>D</b>	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
-	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.853.800	7.853.800
-	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.853.800	7.853.800
+	Cổ phiếu phổ thông	7.853.800	7.853.800
+	Cổ phiếu ưu đãi		
-	Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+	Cổ phiếu phổ thông		
+	Cổ phiếu ưu đãi		
-	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.853.800	7.853.800
+	Cổ phiếu phổ thông	7.853.800	7.853.800
+	Cổ phiếu ưu đãi		
	<b>* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần</b>		
<b>E</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
-	Lợi nhuận kế toán sau thuế	1.188.019.244	(5.740.976.320)
-	Các khoản đ/c tăng, giảm lợi nhuận kế toán		

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

**Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định**

- Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	7.853.800	7.853.800
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>	<i>151</i>	<i>(731)</i>

<b>F Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	1.155.180.877	1.155.180.877
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	239.421.285	242.121.285
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.350.409.083	1.350.409.083

\* *Mục đích trích lập các quỹ*

- *Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối dùng để bổ sung vốn điều lệ Công ty khi mở rộng sản xuất kinh doanh*
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi dùng để khen thưởng cá nhân hay phục vụ mua tài sản phục vụ công tác phúc lợi*

**G Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.**

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh**

**20. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ LK từ đầu năm nay LK từ đầu năm trước**

- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa, CCDV	15.115.290.766	13.949.888.631
--	----------------	----------------

<b>Cộng</b>	<b><u>15.115.290.766</u></b>	<b><u>13.949.888.631</u></b>
-------------	------------------------------	------------------------------

**21. Các khoản giảm trừ doanh thu**

- Giảm giá hàng bán
- Thuế xuất khẩu
- Thuế tiêu thụ đặc biệt

<b>22. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV</b>	15.115.290.766	13.949.888.631
--	----------------	----------------

**23. Giá vốn hàng bán** LK từ đầu năm nay LK từ đầu năm trước



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH****Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định**

- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa, CCDV	13.053.064.573	13.245.682.561
<b>Cộng</b>	<b><u>13.053.064.573</u></b>	<b><u>13.245.682.561</u></b>
<b>24. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b><u>LK từ đầu năm nay</u></b>	<b><u>LK từ đầu năm trước</u></b>
- Lãi tiền gửi	263.536.156	210.309.377
- Chênh lệch tỷ giá		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>263.536.156</u></b>	<b><u>210.309.377</u></b>
<b>25. Chi phí hoạt động tài chính</b>	<b><u>LK từ đầu năm nay</u></b>	<b><u>LK từ đầu năm trước</u></b>
- Lãi tiền vay	537.836.109	194.016.585
- Chênh lệch tỷ giá		
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		
- Chi phí dự phòng tài chính		
- Phí bảo lãnh		
<b>Cộng</b>	<b><u>537.836.109</u></b>	<b><u>194.016.585</u></b>
<b>26. Chi phí, thu nhập khác</b>	<b><u>LK từ đầu năm nay</u></b>	<b><u>LK từ đầu năm trước</u></b>
- Thu nhập khác	249.011	175.191.539
- Chi phí khác	11.424.991	300
<b>27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b><u>Kỳ này</u></b>	<b><u>Kỳ trước</u></b>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.485.024.055	27.387.210
+ Các khoản đ/c tăng lợi nhuận		
+ Các khoản đ/c giảm lợi nhuận		
- Tổng thu nhập chịu thuế	1.485.024.055	27.387.210
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Thuế TNDN hiện hành	297.004.811	5.477.442

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

**Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, Nam Định**

<b>28. Chi phí sản xuất kinh doanh</b>	<b>Số kỳ này năm nay</b>	<b>Số kỳ này năm trước</b>
- Chi phí nguyên vật liệu	2.625.989.972	974.719.292
- Chi phí nhân công	120.000.000	65.409.481
- Chi phí sử dụng máy thi công		
- Chi phí sản xuất chung	179.709.842	376.785.088
- Chi phí bán hàng	9.722.222	94.652.212
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	282.003.983	773.650.679
<b>Cộng</b>	<b>3.217.426.019</b>	<b>2.285.216.752</b>

**VII. Một số chỉ tiêu tài chính**

<b>29. Cơ cấu nguồn vốn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	28%	21%
Nguồn vốn chủ/ Tổng nguồn vốn	72%	79%

<b>30. Tỷ suất sinh lời</b>	<b>LK từ đầu năm nay</b>	<b>LK từ đầu năm trước</b>
- Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần(%)		
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên DT thuần	10%	0%
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên DT thuần	8%	0%
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	1%	0%
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	1%	0%

Nam Định, ngày 20 tháng 07 năm 2017

NGƯỜI LẬP



Bùi Hai Võ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Bùi Hai Võ



GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Quang Thanh*